

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 15/9/2022

V/v : Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và Ông Đoàn Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa:
Ông L Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày ngày 15/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “*Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L; sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn D, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân T; sinh năm: 1978; địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn D, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Phạm Xuân T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 07/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng hòa thuận với nhau từ khi cưới đến năm 2012 thì công ty nơi anh T làm việc bị giải thể, anh T thường xuyên chơi đá gà, cá độ, dẫn đến phải cầm xe để trả nợ. Đến cuối năm 2012, anh T xin lỗi, ăn năn và muốn về quê làm lại để xây dựng cuộc sống

gia đình. Vì gia đình nên chị L đồng ý, anh T về quê tại thị trấn D để làm ăn trước, năm 2015 thì chị L cũng chuyển về thành phố Hà Tĩnh làm việc. Cuộc sống gia đình yên ổn đến cuối năm 2017 thì anh T bắt đầu nghiện ma túy, thường xuyên ghen tuông, đánh đập, cấm cản chị L đi làm và con đi học. Nay chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Xuân D, sinh ngày 18/4/2010 và Phạm Xuân Tr, sinh ngày 01/01/2016. Chị Trần Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu anh Phạm Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị Trần Thị L xác định vợ chồng có tài sản chung gồm 01 thửa đất tại khu quy hoạch Đồng Leo, tờ bản đồ số 02, thửa đất số 23, địa chỉ: Khối V, phường Y, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị L có nguyện vọng chia đôi tài sản chung. Tuy nhiên, ngày 15/7/2022 chị L có đơn rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về khoản nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Phạm Xuân T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Phạm Xuân T.

Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Phạm Xuân D, sinh ngày 18/4/2010 và Phạm Xuân Tr, sinh ngày 01/01/2016 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị Trần Thị L yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 thửa đất tại khu quy hoạch Đồng Leo, tờ bản đồ số 02, thửa đất số 23, địa chỉ: Khối V, phường Y, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, ngày 15/7/2022 chị L có đơn rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Về khoản nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn hiện cư trú tại thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn anh Phạm Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Xuân T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Xuân T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đúng pháp luật, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 07 tháng 5 năm 2010 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị L thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Phạm Xuân T không chịu tu chí làm ăn, nghiện ma túy, thường xuyên ghen tuông và đánh đập vợ con. Về phía anh Phạm Xuân T, Tòa án đã triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị L và anh T hàn gắn, đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con nhưng anh T vắng mặt, không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Phạm Xuân T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào các giấy khai sinh số 74/2010, ngày 13/5/2010 và số 22/TLKS-BS ngày 01/02/2016, vợ chồng chị Trần Thị L, anh Phạm Xuân T có 02 con chung là Phạm Xuân D, sinh ngày 18/4/2010 và Phạm Xuân Tr, sinh ngày 01/01/2016. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Xét các con của chị L, anh T tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay hai cháu đều đang sống với chị L. Chị L hiện đang làm việc tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - chi nhánh Hà Tĩnh, với thu nhập bình quân hàng tháng là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng; với mức thu nhập này chị L đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cho cả hai cháu Phạm Xuân D và Phạm Xuân Tr.

Xét anh Phạm Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không Ln Tòa án để làm việc, thể hiện việc không chấp hành quy định pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 10/6/2022, chính quyền địa phương tổ dân phố 05, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận anh Phạm Xuân T hiện nay chưa có nghề nghiệp ổn định; đồng thời từ ngày 05/6/2018 đến ngày 31/5/2019, anh T có thời gian cai nghiện, chữa trị tự nguyện tại T tâm chữa bệnh- giáo dục- lao động xã hội tỉnh Hà Tĩnh.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Phạm Xuân Dũng và cháu Phạm Xuân Trường cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Phạm Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Tại đơn khởi kiện, chị Trần Thị L xác định vợ chồng có tài sản chung gồm 01 thửa đất tại khu quy hoạch Đồng Leo, tờ bản đồ số 02, thửa đất số 23, địa chỉ: Khối Văn Thịnh, phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị L có nguyện vọng chia đôi tài sản chung, tuy nhiên ngày 15/7/2022 chị Trần Thị L có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Xuân T vắng mặt, không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] *Về khoản nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị L, anh Phạm Xuân T không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị L rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không phải chịu án phí chia tài sản chung.

Chị Trần Thị L, anh Phạm Xuân T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị L ly hôn anh Phạm Xuân T.

2. Giao con chung Phạm Xuân D, sinh ngày 18/4/2010 và Phạm Xuân Tr, sinh ngày 01/01/2016 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trả lại tạm ứng án phí chia tài sản chung. Khấu trừ theo biên lai thu tiền số 0013072 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, trả lại cho chị Trần Thị L số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

4. Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ (2b);
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã Tùng Châu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Huy Trọng